

Bản án số: 38/2021/DS-PT

Ngày 29-9-2021

*"V/v tranh chấp yêu cầu bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử;
Ông K'Tiêng.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 8 năm 2021 về việc “*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T; Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hoài Q – Là Luật sư Công ty luật TNHH S.20, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lý Văn L, bà Bàn Thị N1 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Ông Phạm Văn S, bà Lê Thị N2 – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị X – Có mặt.
Anh Nguyễn Minh H – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T và bị đơn ông Lý Văn L, ông Phạm Văn S, bà Lê Thị N2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị X kết hôn vào năm 1999. Đến năm 2004 ông bà đã ly hôn theo bản án số 01/DSST, ngày 16/4/2004 Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp.

Về tài sản chung: Tạm giao cho ông Nguyễn Minh T quản lý sử dụng 01 lô đất rẫy tại thôn 2, xã Đắk S, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, diện tích 2ha đất trống, 01 lô đất diện tích 122,6 m², tại thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (đất thuê của UBND xã Đ).

Tạm giao cho bà Lê Thị X quản lý, sử dụng diện tích đất rẫy 1,2ha tại thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đất trồng tiêu trụ tập, cà phê nhưng đã bị chết.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/2005HNGĐ-GĐT ngày 20/9/2005, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông quyết định: hủy một phần bản án số 01/DS-ST ngày 16/4/2004 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp về phần chia tài sản chung và án phí dân sự sơ thẩm. Giao hồ sơ để Tòa dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 24/4/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/QĐ-ĐC lý do người khởi kiện được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Như vậy, diện tích đất rẫy 1,2ha tại thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông là tài sản chung của ông T, bà X nhưng bà X tự ý bán cho ông Phạm Văn S, bà Lê Thị N2 và ông Lý Văn L, bà Bàn Thị N1 mà không được sự đồng ý của ông T là không đúng. Sau khi mua đất bên mua đã tự ý chặt 17 cây điều trồng năm 2000 trước khi ông bà ly hôn, 642 cây cao su do bà X trồng năm 2005 sau khi đã ly hôn. Tiền trồng cao su là do Nhà nước bồi thường trụ điện làm trên đất từ năm 2005 khoảng 100.000.000 đồng, chứng từ bồi thường do bà X giữ nên ông không có chứng cứ gì để chứng minh và mức lượng đất tương đương 2.500m³. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu ông L, bà N1, ông S, bà N2 phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản là cây trồng và tiền mức đất với tổng số tiền là 450.000.000 đồng.

Bị đơn ông Phạm Văn S, bà Lê Thị N2, ông Lý Văn L, bà Bàn Thị N1 trình bày:

Ngày 18/01/2018, ông S và ông L có đặt cọc cho bà Lê Thị X số tiền 100.000.000 đồng để mua thửa đất rẫy tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Theo giấy đặt cọc thì ngày 28/02/2018, bên mua phải trả tiếp số tiền 600.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng sẽ trả hết khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bên bán có trách nhiệm ký giấy).

Ngày 12/4/2018, bà Lê Thị X tiếp tục viết giấy mua bán (sang nhượng) cho bà Bàn Thị N1 (vợ ông Lý Văn L) và bà Lê Thị N2 (vợ ông Phạm Văn S). Diện tích đất hai bên mua bán là hơn 1ha, tại vị trí thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, với số tiền 900.000.000 đồng, bà X đã nhận đủ tiền và giao đất đất cho vợ chồng ông S và vợ chồng ông L nhận sử dụng. Khi mua bà X có đưa ra bản án số

01/DSST ngày 16/4/2004 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, trong đó có nội dung: Tạm giao cho bà Lê Thị X quản lý, sử dụng diện tích đất rẫy 1,2ha tại thôn 8, xã Đ, huyện Đ, nên bên mua mới đồng ý mua đất, đất chưa được cấp giấy chứng nhận.

Sau khi nhận đất, đến khoảng giữa năm 2018, vợ chồng ông S và vợ chồng ông L đã tiến hành chặt 17 cây điều trồng năm 2000, 642 cây cao su trồng năm 2005 và mức đất với khối lượng tương đương 2.500m³ để cải tạo, canh tác, sử dụng. Khi mức đất không được phép của cấp có thẩm quyền.

Do ông T và bà X tranh chấp về tài sản chung, bà X đã khởi kiện tại Tòa án. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 54/2019/QĐST-DS ngày 04/11/2019 ghi nhận giữa các bên gồm ông Nguyễn Minh T, bà Lê Thị X, bà Lê Thị N2, bà Bàn Thị N1, ông Lý Văn L, ông Phạm Văn S đã thỏa thuận hủy giấy mua bán lập ngày 12/4/2018.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu bị đơn phải bồi thường 450.000.000đ là không có căn cứ, bởi vì bị đơn đã nhận chuyển nhượng của bà X trên cơ sở bản án đã phân chia. Bên bán đã nhận đủ tiền và giao đất cho bên mua nhận sử dụng thì bên mua có quyền chặt cây, mức đất để cải tạo và sử dụng đất. Diện tích đất trước khi mức cao hơn so với đường đi khoảng 1m, phía sau khoảng 1,5m và không bằng phẳng. Sau khi mức và san ủi thì đất bằng phẳng, đẹp hơn, thuận lợi cho việc sử dụng và làm tăng giá trị quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh H trình bày:

Anh thống nhất với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Minh T về yêu cầu bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 450.000.000 đồng thiệt hại về tài sản là cây trồng và tiền đất bị mức.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X trình bày:

Về quá trình chung sống, kết hôn và ly hôn như lời trình bày của ông T nêu trên là đúng.

Năm 2018, bà có chuyển nhượng cho vợ chồng ông S và vợ chồng ông L đất rẫy tại thôn 8, xã Đ, huyện Đ là căn cứ vào việc phân chia tài sản theo bản án số 01/DSST ngày 16/4/2004 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp. Bà biết bản án này bị hủy nhưng vì năm 2015, ông Nguyễn Minh T đã tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T và anh H đối với thửa đất được chia tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông như đã chia trong bản án số 01/DSST, mặc dù bản án đã bị hủy nhưng bà nghĩ đất của bà được chia thì có quyền sang nhượng. Phía ông S, ông L, bà N1, bà N2 biết đất có trục trặc nhưng vẫn đồng ý nhận chuyển nhượng.

Đối với 17 cây điều trồng trồng năm 2000 là do bà và ông T trồng, 642 cây cao su là do bà trồng vào năm 2005 sau khi đã ly hôn. Việc ông T cho rằng tiền trồng cây cao su là do bà X nhận 100.000.000 đồng tiền bồi thường trụ điện làm trên đất vào năm 2005 là không đúng. Vì Nhà nước làm đường điện đi qua, chỉ chặt mấy cành điều và bà được hỗ trợ vài trăm nghìn đồng nhưng do thời gian quá lâu bà không còn lưu chứng từ.

Về đất sau khi mức và san gạt trở nên bằng phẳng, đẹp, làm tăng giá trị quyền sử dụng đất. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông S và vợ chồng

ông L phải bồi thường 450.000.000 đồng thì bà không đồng ý, vì bà đã giao đất và nhận đủ số tiền 900.000.000 đồng, đây là phần đất của bà sau khi chia tài sản chung. Hiện bà đã khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn với ông T, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp đang thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 16-7-2021, Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 11/2021/QĐ-SCBSBA ngày 02/8/2021, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Tứ đối với ông Lý Văn L, bà Bàn Thị N1, ông Phạm Văn S, bà Lê Thị N2 về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Buộc ông Lý Văn L và bà Bàn Thị N1 phải bồi thường cho ông Nguyễn Minh T số tiền 1.747.000 đồng.

Buộc ông Phạm Văn S và bà Lê Thị N2 phải bồi thường cho ông Nguyễn Minh T số tiền 1.747.000 đồng.

Bác phần yêu cầu của ông Nguyễn Minh T đối với ông Lý Văn L, bà Bàn Thị N1, ông Phạm Văn S, bà Lê Thị N2 về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 446.505.582 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/7/2021 ông Lý Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận bồi thường số tiền 2.247.204 đồng.

Ngày 26/7/2021, ông Phạm Văn S và bà Lê Thị N2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận bồi thường số tiền 2.247.204 đồng.

Ngày 30/7/2021, ông Nguyễn Minh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có một số vi phạm và thiếu sót cụ thể:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh họ tên, địa chỉ của người mua đất do ông S, ông L mức bán để đưa họ vào tham gia tố tụng.

Trong bản án nhận định ông Nguyễn Minh T xác định sau khi mức đất thì đất bằng phẳng, thuận tiện cho việc canh tác, sử dụng và tăng giá trị quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh ông thừa nhận sau khi mức đất làm tăng giá trị quyền sử dụng đất.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bà Bàn Thị N1 có tham gia nhưng không ký và biên bản và cũng không nêu rõ lý do vì sao không ký vào biên bản.

Về nội dung: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà X với vợ chồng ông S, ông L chỉ làm giấy viết tay, đất chưa được cấp giấy chứng nhận, không được sự đồng ý của ông T là không đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào kết quả thẩm định giá tài sản thì giá trị cây trồng trên đất là 166.504.000 đồng, khối lượng đất mức là 350.000.000 đồng. Tổng cộng là 516.504.000 đồng, nhưng cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn mỗi hộ phải bồi thường 1.747.000 đồng là không phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Minh T, Lý Văn L, ông Phạm Văn S và bà Lê Thị N2 làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí là đúng pháp luật.

Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh T; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn S, bà Lê Thị N2 và ông Lý Văn L. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh T, ông Lý Văn L, ông Phạm Văn S và bà Lê Thị N2. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Minh T, ông Lý Văn L, ông Phạm Văn S và bà Lê Thị N2 nộp trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản án số 01/DS-ST, ngày 16/4/2004 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp đã Tạm giao cho ông T quản lý sử dụng 01 lô đất rẫy diện tích 2ha tại thôn 2, xã Đ, huyện Đ và 01 lô đất diện tích 122,6 m², tại thôn 3, xã Đ, huyện Đ. Tạm giao cho bà Lê Thị X quản lý, sử dụng diện tích đất rẫy 1,2ha tại thôn 8, xã Đ, huyện Đắk R'lấp.

[2.2]. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/2005/HNGĐ-GĐT ngày 20/9/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Hủy một phần bản án số 01/DS-ST ngày 16/4/2004 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp về phần chia tài sản chung và án phí dân sự sơ thẩm. Giao hồ sơ để Tòa dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Vụ án đã bị đình chỉ

với lý do nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

[2.3]. Như vậy, về tài sản chung giữa ông T, bà X chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết, vẫn là tài sản chung của ông T, bà X. Việc bà X tự ý sang nhượng thửa đất tại thôn 8, xã Đắk Ru, huyện Đắk R'lấp cho vợ chồng ông S và vợ chồng ông L mà không được sự đồng ý của ông T là vi phạm khoản 2 Điều 213 của Bộ luật dân sự và Điều 35 của Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác, đất chuyển nhượng chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bên chỉ làm giấy viết tay là vi phạm điểm a khoản 3 Điều 167; điểm a khoản 1 Điều 188 của Luật đất đai năm 2013. Vì vậy, tại Quyết định số 54/2019/QĐST-DS ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp đã công nhận sự thỏa thuận giữa ông T, bà X và vợ chồng ông S, ông L về hủy giấy mua bán lập ngày 12/4/2018. Do đó, thửa đất bà X chuyển nhượng cho vợ chồng ông S, ông L vẫn là tài sản chung của ông T, bà X. Sau này ông T, bà X có đơn yêu cầu chia tài sản chung thì có quyền kê khai tài sản trên đất gồm 17 cây điều trồng trồng năm 2000 và 642 cây cao su năm 2005 để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.4]. Đối với nội dung ông T cho rằng vợ chồng ông S, ông L chặt phá toàn bộ cây trồng trên đất và mức đất khối lượng khoảng $2.500m^3$, nên ông yêu cầu bồi thường số tiền 450.000.000đ. Xét thấy, việc sang nhượng đất giữa bà X với vợ chồng ông S, ông L là hoàn toàn có thật, tại thời điểm chuyển nhượng bà X có cung cấp bản án số 01/DS-ST, ngày 16/4/2004 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp. Bà X thừa nhận đã nhận đủ tiền và bàn giao đất cho vợ chồng ông S, ông L nhận sử dụng. Sau khi nhận đất gia đình ông S, ông L đã quản lý sử dụng một thời gian, sau đó chặt bỏ cây trồng và mức đất, san ủi mặt bằng để tiện cho việc sử dụng đất. Việc gia đình ông S, ông L chặt cây, mức đất diễn ra bình thường, có nhiều người chứng kiến, không có hành vi hủy hoại tài sản của người khác. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông T đối với 642 cây cao su do bà X trồng năm 2005 và tiền mức đất là có căn cứ. Bởi vì sau này khi giải quyết chia tài sản chung thì ông T có quyền kê khai tài sản trên đất gồm 17 cây điều trồng trồng năm 2000 và 642 cây cao su năm 2005 để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật như đã phân tích tại mục [2.3]. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm buộc ông L, bà N1 và ông S, bà N2 phải bồi thường cho ông T 17 cây điều trồng trồng năm 2000 với tổng số tiền là 3.494.000 đồng là không có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông Lý Văn L, ông Phạm Văn S và bà Lê Thị N2 là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T.

[2.5]. Quá trình giải quyết ông T, bà X thừa nhận tài sản trên diện tích đất bà X chuyển nhượng cho vợ chồng ông S và vợ chồng ông L gồm có gồm 17 cây điều do ông T, bà X trồng trồng năm 2000 và 642 cây cao su do bà X trồng năm 2005 sau khi đã ly hôn. Ông T cho rằng nguồn tiền bà X sử dụng vào việc trồng cây cao su là do đền bù trụ điện khoảng 100.000.000đ, số tiền này khi ông T, bà X có đơn yêu cầu chia tài sản chung thì ông có quyền kê khai để yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án chia tài sản chung sau khi ly hôn.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ. Quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Từ phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Lý Văn L và ông Phạm Văn S, bà Lê Thị N2. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T đối với ông Lý Văn L, bà Bàn Thị N1 và ông Phạm Văn S, bà Lê Thị N2.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T có đơn xin miễn tiền án phí với lý do ông là người cao tuổi, cấp sơ thẩm căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để miễn toàn bộ tiền án phí cho ông T là đúng pháp luật.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Kháng cáo của ông Lý Văn L, ông Phạm Văn S và bà Lê Thị N2 được chấp nhận, nên không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông L và ông S, bà N2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 156, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh T. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý Văn L và ông Phạm Văn S, bà Lê Thị N2.

Sửa bản án sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T đối với ông Lý Văn L, bà Bàn Thị N1, ông Phạm Văn S, bà Lê Thị N2 về yêu cầu bồi thường số tiền 450.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Minh T.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 18.600.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Lý Văn L 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004844 ngày 03/8/2021. Hoàn trả cho ông Phạm Văn S và bà Lê Thị N2 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004845 ngày 03/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'lập;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Phạm Thị Thông

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

K'Tiên

Nguyễn Tài Sử

Phạm Thị Thông

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

K'Tiên Bùi Thị Ngọc

Phạm Thị Thông

